

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 352/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng

2. Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 760/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 373/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Võ Hằng N, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2020 và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 02/12/2020 nguyên đơn anh Nguyễn Văn Nh trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn Nh và chị Võ Hằng N chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (theo giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 17/5/2008). Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống lúc đầu sống hạnh phúc. Thời gian về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm, chị N không chăm lo cho gia đình, anh và chị N đã sống ly thân gần 05 tháng nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống anh Nh và chị N có 01 người con tên Nguyễn Như Ý, sinh ngày 08/02/2009. Khi ly hôn anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con theo ai người đó nuôi. Không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Nh xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 19/11/2020 chị Võ Hằng N trình bày: Chị thống nhất như trình bày của anh Nh cụ thể: Về hôn nhân: Chị và anh Nh sống chung với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định, do điều kiện đi làm ăn nên chị không có thời gian đến Tòa án. Chị đồng ý ly hôn với anh Nh do hiện nay chị và anh N không thể hàn gắn lại được. Về con chung: Chị và anh Nh có 01 người con chung tên Nguyễn Như Ý, sinh ngày 08/02/2009 đúng như anh Nh trình bày con theo ai thì người đó nuôi. Về tài sản chung và nợ: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn chị Võ Hằng N có nơi cư trú tại ấp Tân Hiệp, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Võ Hằng N, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Anh Nh là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh Nh là nguyên đơn, chị N là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nh và chị N xin vắng mặt; Căn cứ theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nh và chị N không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh và chị N đã ly thân gần 05 tháng nay. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nh, cho anh Nh được ly hôn với chị N.

[3] Về con chung: Anh Nh và chị N có 01 người con tên Nguyễn Như Ý, sinh ngày 08/02/2009. Khi ly hôn anh yêu cầu xem xét nguyện vọng của con.

Xét, con chung Nguyễn Như Ý, sinh ngày 08/02/2009. Hiện đang sống chung với chị N, gần gũi với chị, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Nguyễn Như Ý, sinh ngày 08/02/2009 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Phù hợp với ước nguyện của cháu Y theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 03/11/2020. Anh Nh không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng: Anh Nh không đặt ra, chị N không có ý kiến nên Hội

đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ*: Anh Nh xác định không có, chị N xác định tự thỏa thuận; nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh N212 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Nh về việc ly hôn với chị Võ Hằng N.

-Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Như Ý, sinh ngày 08/02/2009 cho chị Võ Hằng N được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nh không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Nh phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 29/10/2020 anh Nh đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004214 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã đăng ký việc kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công

